

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2025

V/v Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị H, anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm T (H), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm T (H), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm T (H), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 6 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H), tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/01/2021. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc tại nhà mẹ đẻ của anh T đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 9/2023 đến nay,

chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã H (nay là xã H) chung sống, chị và anh T đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/7/2022. Hiện nay, con chung đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị có yêu cầu đề nghị Tòa án buộc anh T và bà Đỗ Thị N (mẹ đẻ của anh T) mỗi người phải trả cho chị 5 chỉ vàng 9999, vì đây là số vàng cưới gia đình cho riêng chị, hiện đang do anh T và bà N giữ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 26/6/2025 và quá trình hoà giải tại Toà án, bị đơn anh Nguyễn Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo anh T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị H không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có lời nói không đúng mực với bố mẹ của anh, anh nhắc nhở nhiều nhưng chị H không thay đổi. Đến tháng 9/2023 chị H tự về nhà bố mẹ đẻ, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn mong muốn được đoàn tụ. Ngoài ra, anh là người theo đạo Công giáo, giáo lý không cho phép ly hôn nên chị H xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng. Do chị H đã rút yêu cầu, anh nhất trí không có ý kiến gì.

* Tại Bản tự khai ngày 26/6/2025, bà Đỗ Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T; chị H là con dâu của bà. Về tình cảm, bà và gia đình bà không đồng ý cho anh T, chị H ly hôn, vì gia đình bà theo đạo Công giáo. Về tài sản riêng, bà công nhận có giữ của chị H 5 chỉ vàng 9999. Tuy nhiên, do chị H và cháu A thường xuyên đau ốm phải đi Bệnh viện điều trị, kinh tế khó khăn nên bà đã trả lại cho anh T để chi tiêu. Tại buổi hòa giải chị H rút yêu cầu giải quyết về tài sản riêng, bà nhất trí không có ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá

trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T. Về con chung, giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Về án phí, chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Đỗ Thị N có ý kiến xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T và bà N là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã H, nay là xã H, tỉnh Ninh Bình đăng ký kết hôn ngày 06/01/2021. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 09/2023 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị H yêu cầu xin được ly hôn, anh T không nhất trí.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do tính tình không hợp quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến nay chị H và anh T có thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/7/2022, hiện con chung đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T xin được nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con, chị H đồng ý.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy: Anh Nguyễn Văn T có nghề nghiệp và thu nhập, hiện nay cháu A đang do anh T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng đồng ý giao cháu A cho anh T nuôi dưỡng vì chị sức khỏe không tốt. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần Bình A cho anh T nuôi dưỡng. Do anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị H và anh T xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu giải quyết về tài sản riêng của chị. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị H xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản riêng. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị H về đòi lại tài sản riêng là hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản riêng của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản riêng của nguyên đơn chị Trần Thị H.
2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T.
3. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/7/2022, cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu An thành N1 (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Nguyễn Trần Bình A đang do anh T nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000504 ngày 10/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H được nhận lại 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 + Tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính

